

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **86/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 05 tháng 4 năm 2023

Về: “*Không công nhận vợ chồng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp “*Không công nhận vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bàn Thị L**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Bàn Thị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn C qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã chung sống với nhau vào năm 1997 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn N, xã L Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh C nhiều lần chửi bới, đánh đập, có hành vi bạo lực gia đình với chị, chị đã cố chịu đựng và cho anh C nhiều cơ hội, gia đình và chính quyền địa phương đã giải thích, hòa giải nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, hiện nay tuy vợ chồng ở cùng nhau nhưng giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, ai làm việc người đó, không quan tâm gì đến nhau.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh C đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không

còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên chị L đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là cháu: Hoàng Thị C, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Văn P, sinh ngày 07/5/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) đã lập gia đình riêng và có kinh tế riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Hoàng Văn C có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Hoàng Văn C không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày:

Anh và chị Bàn Thị L qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã chung sống với nhau vào năm 1997 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh không nhớ chính xác có đăng ký kết hôn hay không, hiện nay anh cũng không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống trước đây không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, tuy nhiên từ khoảng năm 2021 trở lại đây khi chị L đi làm công nhân về thường tỏ thái độ khó chịu với anh nên giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện nay tuy vợ chồng ở cùng nhau nhưng giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, ai làm việc người đó, không quan tâm gì đến nhau.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định hiện nay mâu thuẫn giữa anh và chị L đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm gì, không thể chung sống với nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh C xác định anh và chị Bàn Thị L có 02 con chung là cháu: Hoàng Thị C, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Văn P, sinh ngày 07/5/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) đã lập gia đình riêng và có kinh tế riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Bàn Thị L có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Bàn Thị L không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện

kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ: Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C.

+ Về con chung: Chị L, anh C có 02 con chung là cháu Hoàng Thị C, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Văn P, sinh ngày 07/5/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bàn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, chị L đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh C không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hoàng Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Cả nguyên đơn và bị đơn là chị L và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại Thôn N, xã L; xác minh tại UBND xã Lang Quán có cơ sở xác định: Chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi, chửi nhau, hiện nay tuy vợ chồng ở cùng nhau nhưng giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, ai làm việc người đó, không quan tâm gì đến nhau. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị L, tuyên bố không công nhận chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là cháu: Hoàng Thị C, sinh ngày 02/9/1998 và cháu Hoàng Văn P, sinh ngày 07/5/2001, hiện nay các cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) đã lập gia đình riêng và có kinh tế riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Quá trình giải quyết các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, anh C không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Bàn Thị L và anh Hoàng Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: AA/2021/0004295, ngày 14/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Lang Quán;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chầu Văn Khỏe Vi Hoài Nam

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thức

.